

Số: **160/2023/QĐST-DS**

Thành phố Huế, ngày 23 tháng 6 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 06/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ; Địa chỉ: Tháp B, số 35 V, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thái L.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng S, sinh năm 1959.

Địa chỉ ĐKNKTT: Số 152 N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.
Nơi cư trú: Lô D9, LK2, khu A khu đô thị mới A, phường A1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn (ông Trương Đình T1, đã chết) và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trương Tuấn M, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 152 N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Chị Trương Mỹ L1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 152 N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Từ ngày quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến ngày 31/12/2023, bà Nguyễn Thị Hồng S phải có nghĩa vụ trả

cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền nợ gốc: 1.483.731.900 đồng; nợ lãi trong hạn: 514.880.053 đồng và nợ lãi quá hạn: 96.718.813 đồng. Tổng cộng: 2.095.330.766 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm chín mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi nghìn, bảy trăm sáu mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày 16/6/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2017/581728/HĐTD ngày 31/7/2017 mà hai bên đã ký kết nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Hồng S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 762, tờ bản đồ số 15 tại địa chỉ: Lô D9, LK2, khu A khu đô thị mới A, phường A1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số hiệu CL 378129 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 19/4/2019 cho ông Trương Đình T1 và bà Nguyễn Thị Hồng S) theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/581728/HĐBĐ ngày 14/5/2019 để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi đã xử lý tài sản thế chấp nhưng vẫn không đủ để thanh toán hết khoản vay thì bà Nguyễn Thị Hồng S phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán hết số tiền nợ còn thiếu cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án khi Tòa án tiến hành hòa giải trước khi mở phiên tòa nên chỉ phải chịu 50% án phí là 72.000.000 đồng + $(2\% \times 95.330.766 \text{ đồng}) : 2 = 36.953.307 \text{ đồng}$. Bà Nguyễn Thị Hồng S thỏa thuận chịu toàn bộ án phí.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 32.889.881 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000875 ngày 13/01/2022 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tự nguyện chịu toàn bộ và đã chi phí xong.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân

sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT – Huế (Phòng KTNV&THA);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

THẨM PHÁN

Ngô Văn Nam